



CĂN CỨ HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI DƯỚI GÓC NHÌN SO SÁNH PHÁP LUẬT VÀ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM

Sin Thoại Khánh

Trường Đại học Luật, Đại học Huế, Đường Võ Văn Kiệt, TP Huế, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: Sin Thoại Khánh <luatsuthoaihanh@gmail.com>

(Ngày nhận bài: 27-12-2024; Ngày chấp nhận đăng: 06-03-2025)

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích về các căn cứ hủy phán quyết trọng tài theo quy định của pháp luật Việt Nam trong mối tương quan so sánh với pháp luật của một số quốc gia trên thế giới như Hàn Quốc, Singapore, Trung Quốc. Trên cơ sở đó, bài viết sẽ trình bày một số gợi mở cho Việt Nam đối với việc hoàn thiện pháp luật cũng như việc áp dụng pháp luật về hủy phán quyết trọng tài trong thực tiễn giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại tại Việt Nam.

Từ khóa: Trọng tài thương mại, phán quyết trọng tài, hủy phán quyết trọng tài

GROUND FOR ANNULMENT OF ARBITRAL AWARDS: A COMPARATIVE LEGAL PERSPECTIVE AND RECOMMENDATIONS FOR VIETNAM

Sin Thoai Khanh

University of Law, Hue University, Vo Van Kiet St., Hue City, Vietnam

Correspondence to Sin Thoai Khanh <luatsuthoaihanh@gmail.com>

(Received: December 27, 2024; Accepted: March 06, 2025)

Abstract: This article focuses on analyzing the grounds for the annulment of arbitral awards under Vietnamese law in comparison with the legal frameworks of other countries, such as Korea, Singapore and China. Based on this analysis, the article provides some recommendations for Vietnam on improving its legal regulations and the practical application of laws concerning the annulment of arbitral awards in commercial dispute resolution.

Keywords: Commercial arbitration, arbitral award, annulment of arbitral award

1. Dẫn nhập

Trên thế giới, trọng tài thương mại đã trở thành một trong những phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại được sử dụng phổ biến nhất trong thực tiễn. Tại Việt Nam, hoạt động giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại đã có những dấu ấn rất đáng ghi nhận. Trong những năm qua, số lượng các tranh chấp kinh doanh thương mại được các bên lựa chọn giải quyết tại trọng tài đang có xu hướng gia tăng trong tiến trình phát triển. Theo số liệu thống kê trong Báo cáo sơ kết 04 năm thi hành Luật Trọng tài thương mại năm 2010 (Luật TTTM năm 2010), từ năm 2011 đến tháng 06 năm 2015, số lượng các vụ tranh chấp kinh doanh thương mại được giải quyết tại các Trung tâm trọng tài là 879 vụ việc và đã có 586 phán quyết trọng tài được ban hành bởi các hội đồng trọng tài trong giai đoạn này, trong đó 180 phán quyết đã được thi hành xong với số tiền là 3.612.000 USD và 300 tỷ đồng¹. Trong tiến trình phát triển của hoạt động giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bằng trọng tài, con số này đã tăng lên rất đáng kể. Trong giai đoạn 10 năm từ năm 2011 đến năm 2020, các trung tâm trọng tài đã giải quyết 2900 vụ tranh chấp, trung bình gần 300 vụ/năm². Cùng với đó là sự phát triển của hệ thống trung tâm trọng tài thương mại tại Việt Nam. Tính đến cuối tháng 06 năm 2022, đã có 44 trung tâm trọng tài thương mại và 01 văn phòng đại diện của Ủy ban trọng tài thương mại Hàn Quốc đăng ký hoạt động với cơ quan quản lý nhà nước tại Việt Nam³. Điều đó cho thấy, hoạt động của trọng tài thương mại đang có những bước đi rất vững chắc trong quá trình xây dựng và phát triển tại Việt Nam.

Sự phát triển của hoạt động trọng tài thương mại đã góp phần đưa Việt Nam đến gần hơn với xu thế chung của thế giới trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại, từ đó tạo ra những cơ hội thuận lợi cho việc mở rộng các quan hệ hợp tác trong kinh doanh quốc tế. Đặc biệt, cơ chế trọng tài góp phần không nhỏ trong việc hỗ trợ Tòa án trong bối cảnh số lượng tranh chấp mà Tòa án phải giải quyết còn rất lớn dẫn đến tình trạng quá tải. Hay nói cách khác, trong bối cảnh số lượng các loại vụ việc mà các Tòa án phải thụ lý, giải quyết tiếp tục có xu hướng gia tăng với tính chất ngày càng phức tạp trong khi đó số lượng biên chế hiện nay chưa đáp ứng yêu cầu so với cơ cấu tổ chức, bộ máy, nhiệm vụ, thẩm quyền của các Tòa án nhân dân, cơ sở vật chất, trang thiết bị, điều kiện, phương tiện làm việc chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, thì sự phát triển của hoạt động trọng tài sẽ góp phần chia sẻ gánh nặng rất lớn đối với hệ thống cơ quan tư pháp hiện nay. Sự tồn tại song song của hai cơ chế tài phán này đã tạo

¹ Báo cáo số 74/BC-BTP ngày 08/4/2016 của Bộ Tư pháp về sơ kết 04 năm thi hành Luật TTTM năm 2010, truy cập tại: <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/hoat-dong-cua-lanh-dao-bo.aspx?ItemID=2367>, truy cập ngày 01/11/2024.

² Văn bản số 2590/BTP-BTTP, ngày 22/7/2022 của Bộ Tư pháp gửi Hội Luật gia Việt Nam về góp ý dự thảo Báo cáo nghiên cứu, rà soát Luật Trọng tài thương mại.

³ Báo cáo tổng kết thực tiễn thi hành Luật TTTM năm 2010.

ra được những hiệu quả nhất định trong quá trình giải quyết tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại.

Mặc dù Tòa án và Trọng tài tồn tại như hai thiết chế tài phán độc lập, song hoạt động tố tụng của các cơ quan này vẫn có những mối quan hệ nhất định. Một trong những vấn đề cho thấy rõ ràng nhất về mối quan hệ này là chế định hủy phán quyết trọng tài của Tòa án nhân dân. Chế định này xuất phát từ thực tiễn rằng phán quyết của Trọng tài mang tính chất chung thẩm, do đó sẽ không có bất kỳ khả năng kháng cáo hay yêu cầu xét xử lại nào trong hệ thống trọng tài. Chính vì vậy, pháp luật của các quốc gia đã xây dựng một cơ chế kiểm soát từ bên ngoài đối với phán quyết trọng tài nhằm đảm bảo những phán quyết này không xâm phạm đến trật tự công của các quốc gia đó. Chế định hủy phán quyết trọng tài đã tạo ra một sự “can thiệp” rất lớn đối với hoạt động tố tụng của Trọng tài. Sự “can thiệp” này, một mặt, góp phần giám sát hoạt động tố tụng trọng tài tuân thủ theo các tiêu chuẩn pháp lý chung. Mặt khác, nó cũng có nguy cơ sẽ “mở đường” cho các Tòa án can thiệp quá sâu vào hoạt động của trọng tài nếu không thiết lập các quy định liên quan đến căn cứ hủy phán quyết một cách chặt chẽ. Hay nói cách khác, việc quy định về hủy phán quyết trọng tài, đặc biệt là căn cứ hủy phán quyết trọng tài, nếu không cân nhắc một cách cẩn trọng và phù hợp, thì nguy cơ sẽ tạo ra “lỗ hổng” để Tòa án can thiệp đến hoạt động tố tụng trọng tài nói riêng và sự tồn tại cũng như phát triển của cơ chế trọng tài nói chung.

Có thể thấy rằng, căn cứ hủy phán quyết trọng tài là một trong những vấn đề pháp lý rất quan trọng cần được xem xét trong hệ thống các quy định của pháp luật về trọng tài thương mại tại các quốc gia. Trong bài viết này, tác giả mong muốn nhìn nhận lại các căn cứ hủy phán quyết trọng tài theo quy định của pháp luật Việt Nam, đồng thời so sánh với cách tiếp cận của một số quốc gia khác. Những so sánh này sẽ góp phần làm rõ những “chênh lệch” giữa các quy định của pháp luật Việt Nam và các quốc gia khác, làm cơ sở cho việc hoàn thiện pháp luật, đặc biệt là trong bối cảnh hiện nay khi Quốc hội đang thực hiện việc sửa đổi Luật Trọng tài thương mại năm 2010.

2. Pháp luật Việt Nam và một số quốc gia về căn cứ hủy phán quyết trọng tài

Phán quyết trọng tài là quyết định của Hội đồng trọng tài (HĐTT) giải quyết toàn bộ nội dung vụ tranh chấp và chấm dứt tố tụng trọng tài⁴. Với tính chất chung thẩm, phán quyết trọng tài là kết quả giải quyết tranh chấp cuối cùng có giá trị ràng buộc đối với các bên. Theo đó, không tồn tại bất kỳ cơ chế nào trong tố tụng trọng tài nhằm xem xét lại các nội dung trong phán quyết trọng tài đã được ban hành. Tuy nhiên, để đảm bảo tính khách quan, pháp luật về

⁴ Khoản 10 Điều 3 Luật Trọng tài thương mại năm 2010.

trọng tài thương mại đã xây dựng thêm một cơ chế “giám sát” bên ngoài đối với phán quyết trọng tài – hủy phán quyết trọng tài. Cụ thể, trên cơ sở yêu cầu của các bên, Tòa án có thẩm quyền sẽ xem xét và ra quyết định hủy phán quyết trọng tài trong một số trường hợp cụ thể theo quy định của pháp luật.

Có thể thấy rằng, sự “can thiệp” này của Tòa án đối với hoạt động tố tụng trọng tài nhằm mục đích đảm bảo công tác giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bằng trọng tài đạt được hiệu quả tối ưu. Tuy nhiên, việc “can thiệp” quá mức trong một số trường hợp có khả năng sẽ cản trở đến sự tồn tại và phát triển của hệ thống trọng tài. Do đó, pháp luật Việt Nam và các quốc gia khác đều đặt ra các quy định cụ thể liên quan đến căn cứ hủy phán quyết trọng tài làm cơ sở để các Tòa án giải quyết các yêu cầu liên quan. Theo quy định tại Điều 68 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 và Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP, các căn cứ hủy phán quyết trọng tài bao gồm những trường hợp sau đây:

Thứ nhất, không có thỏa thuận trọng tài hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu.

Phán quyết trọng tài có thể bị Tòa án xem xét và quyết định hủy nếu thuộc trường hợp “không có thỏa thuận trọng tài hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu”. Không có thỏa thuận trọng tài hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu là thỏa thuận trọng tài thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 6 và Điều 18 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 và hướng dẫn tại các Điều 2, 3 và 4 của Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP).

Căn cứ này cũng được ghi nhận tại quy định của một số quốc gia khác như Hàn Quốc, Trung Quốc, hay Singapore... Ví dụ, theo quy định tại Luật Trọng tài năm 2016 của Hàn Quốc, nếu “một trong các bên không đủ năng lực ký kết thỏa thuận trọng tài hoặc thỏa thuận đó không có giá trị pháp lý” thì Tòa án có thể xem xét hủy phán quyết trọng tài. Quy định này cũng được ghi nhận tại Luật Trọng tài năm 2001 của Singapore: “Một bên trong thỏa thuận trọng tài không có đủ năng lực; thỏa thuận trọng tài không có hiệu lực hoặc không có thỏa thuận trọng tài”⁵. Đối với Trung Quốc, căn cứ này chỉ bao gồm trường hợp “không có thỏa thuận trọng tài”. Có thể thấy rằng, cách tiếp cận của Việt Nam và các quốc gia nêu trên trong trường hợp này có sự tương đồng nhất định. Điều này có lẽ xuất phát từ việc Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới đều tham khảo các quy định chung của Luật Mẫu về trọng tài thương mại của UNCITRAL trong quá trình lập pháp của mình. Luật này của UNCITRAL quy định rằng nếu các bên không có năng lực xác lập thỏa thuận trọng tài hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc không có thỏa thuận trọng tài thì Tòa án có thể tuyên bố hủy phán quyết. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam không đề cập đến trường hợp các bên không có đủ năng lực để xác lập thỏa

⁵ Luật Trọng tài Singapore năm 2001, truy cập tại: <https://sso.agc.gov.sg/Act/AA2001?ProvIds=P19->, truy cập ngày 20/11/2024.

thuận trọng tài. Trường hợp này, theo quy định của Luật Trọng tài thương mại 2010 và Nghị quyết số 01/2014, thuộc một trong những căn cứ dẫn đến việc thỏa thuận trọng tài vô hiệu. Vì vậy, dù câu chữ không trùng hợp với Luật Mẫu, song cách tiếp cận của Việt Nam là giống với quy định của Luật Mẫu cũng như các quốc gia khác.

Thứ hai, thành phần hội đồng trọng tài, thủ tục tố tụng trọng tài không phù hợp với thỏa thuận của các bên hoặc trái với các quy định của Luật Trọng tài thương mại.

Những vi phạm liên quan đến việc thành lập hội đồng trọng tài và thủ tục tố tụng trọng tài là một trong những căn cứ để Tòa án Việt Nam xem xét hủy phán quyết trọng tài. Theo đó, căn cứ này được quy định tại pháp luật của Trung Quốc và Pháp. Cụ thể, Luật Trọng tài Trung Quốc năm 1995 quy định rằng nếu “Sự thành lập của hội đồng trọng tài hoặc thủ tục tố tụng trọng tài không đúng với luật tố tụng” thì phán quyết trọng tài có thể bị hủy bởi Tòa án có thẩm quyền⁶. Tương tự, Bộ luật tố tụng dân sự của Pháp cũng ghi nhận hai căn cứ để hủy phán quyết trọng tài bao gồm “Hội đồng trọng tài được thành lập không phù hợp” và “Thủ tục tố tụng không phù hợp”. Ngoài ra, các căn cứ này cũng được quy định trong Luật Mẫu và pháp luật một số quốc gia như Hàn Quốc, Singapore.

Thứ ba, vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài; trường hợp phán quyết trọng tài có nội dung không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài thì nội dung đó bị hủy.

Đối với căn cứ “Vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của HĐTT” được xác định là trường hợp HĐTT giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực không thuộc thẩm quyền của Trọng tài quy định tại Điều 2 Luật Trọng tài thương mại năm 2010; hoặc HĐTT giải quyết tranh chấp mà không được các bên thỏa thuận yêu cầu Trọng tài giải quyết hoặc giải quyết vượt quá phạm vi của thỏa thuận trọng tài. Liên quan đến vấn đề này, pháp luật các quốc gia quy định như sau:

Theo Luật Trọng tài Singapore năm 2001, phán quyết trọng tài bị tòa án xem xét hủy nếu: một trong các bên tranh chấp nộp đơn lên và chứng minh được [...] *vụ việc không thuộc thẩm quyền của trọng tài hoặc có chứa các nội dung không thuộc thẩm quyền của trọng tài – chỉ xem xét hủy đối với các nội dung không thuộc thẩm quyền của trọng tài* [...]. Theo Luật Trọng tài Trung Quốc năm 1995, Căn cứ hủy phán quyết trọng tài trong nước gồm [...] (ii) *vấn đề tranh chấp vượt quá phạm vi thỏa thuận trọng tài hoặc nằm ngoài thẩm quyền của hội đồng trọng tài* [...]. Theo Luật Trọng tài Hàn Quốc năm 2016: Căn cứ hủy phán quyết trọng tài bao gồm [...] (iii) *Vụ tranh chấp nằm ngoài phạm vi của thỏa thuận trọng tài; (v) Vấn đề tranh chấp không thể giải quyết bằng trọng tài* [...]⁷

⁶ Điều 58 Luật Trọng tài Trung Quốc, truy cập tại:

http://np.chinaembassy.gov.cn/eng/78085/zchfl/200410/t20041027_1998190.html, truy cập ngày 22/11/2024.

⁷ Điều 36 Luật Trọng tài Hàn Quốc năm 2016, truy cập tại:

https://elaw.klri.re.kr/kor_service/lawView.do?hseq=38889&lang=ENG, truy cập ngày 22/11/2024.

Có thể thấy rằng, cách tiếp cận của pháp luật Việt Nam trong căn cứ này rất tiệm cận (về cả hình thức lẫn nội dung) với quy định của pháp luật Singapore. Các quy định này nêu rõ trong trường hợp toàn bộ hoặc một số nội dung tranh chấp không thuộc thẩm quyền của trọng tài thì Tòa án có thể ra quyết định hủy phán quyết trọng tài đó. Đối với trường hợp một số nội dung tranh chấp không thuộc thẩm quyền của trọng tài thì quy định này yêu cầu Tòa án chỉ xem xét hủy đối với những nội dung đó thay vì hủy toàn bộ phán quyết trọng tài. Trong khi đó, cách tiếp cận của Luật Trọng tài Trung Quốc và Hàn Quốc cho thấy sự đồng nhất với Luật Mẫu về hình thức thể hiện trong quy định. Song về mặt nội dung, pháp luật các quốc gia hầu như đều hướng tới việc loại bỏ giá trị của phán quyết trọng tài khi nội dung tranh chấp (một phần hoặc toàn bộ) không nằm trong phạm vi thẩm quyền của trọng tài.

Thứ tư, chứng cứ do các bên cung cấp mà Hội đồng trọng tài căn cứ vào đó để ra phán quyết là giả mạo; trọng tài viên nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất của một bên tranh chấp làm ảnh hưởng đến tính khách quan, công bằng của phán quyết trọng tài.

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, nếu “chứng cứ do các bên cung cấp mà Hội đồng trọng tài căn cứ vào đó để ra phán quyết là giả mạo” thì đây sẽ là cơ sở để Tòa án hủy phán quyết trọng tài⁸. Quy định này đã được hướng dẫn cụ thể tại Điểm d Khoản 2 Điều 14 Nghị quyết số 01/2014.

Căn cứ là điểm khác biệt của Luật Trọng tài thương mại năm 2010 so với Pháp lệnh Trọng tài thương mại năm 2003. Bên cạnh đó, Luật Mẫu UNCITRAL và pháp luật một số nước trên thế giới như Đức (“Việc cố tình cho lời chứng man trá tại phiên tòa trọng tài không nhất thiết cấu thành tội gian lận”), Hàn Quốc, Nga, Ukraina, Nhật Bản cũng không có sự ghi nhận đối với trường hợp này trong các căn cứ để hủy phán quyết trọng tài. Tuy nhiên, một số quốc gia khác lại có cách tiếp cận tương tự như Việt Nam. Ví dụ, theo Điều 58 Luật Trọng tài Trung Quốc, trong trường hợp “... chứng cứ dựa vào đó để lập phán quyết là giả mạo” thì phán quyết trọng tài có thể bị tuyên bố hủy bởi Tòa án. Pháp luật Thụy Sĩ, Áo, Pháp cũng có quy định tương đồng với Việt Nam về căn cứ hủy phán quyết trọng tài này với cách gọi khác là “gian lận” (fraud)⁹. Theo đó, cụm từ “fraud” thường xuyên xuất hiện trong các vụ kiện mà nội dung có liên quan đến những tuyên bố cho rằng các bên tranh chấp đưa ra “lời chứng gian trá” hoặc cung cấp “chứng cứ giả mạo”. Pháp luật Thụy Sĩ quy định rằng, nếu một phán quyết bị ảnh hưởng bởi các hành vi tội phạm, trong đó bao gồm “lời chứng man trá, giả mạo giấy tờ và đưa hối lộ” thì phán quyết đó có thể bị hủy bỏ. Pháp luật Áo và pháp luật Pháp đều có cách giải thích tương tự. Một nghiên cứu còn chỉ ra rằng “thậm chí trong trường hợp không có sự cho

⁸ Điểm d Khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại năm 2010.

⁹ Phan Thông Anh (2015), “Căn cứ hủy phán quyết trọng tài liên quan đến chứng cứ và sự khách quan của trọng tài viên trong tố tụng trọng tài – Bất cập và hướng hoàn thiện”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 6/2015, Tr. 57–64.

phép rõ rệt bởi quy phạm pháp luật, các Tòa án quốc gia nói chung đều sẵn sàng xem xét các lập luận cho rằng một phán quyết cần phải được hủy bỏ trên cơ sở có hành vi lừa đảo”.

Một căn cứ khác để hủy phán quyết trọng tài được quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 là “trọng tài viên nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất của một bên tranh chấp làm ảnh hưởng đến tính khách quan, công bằng của phán quyết trọng tài”. Điều khoản này kế thừa từ Khoản 5 Điều 54, Khoản 2 Điều 13 Pháp lệnh TTTM năm 2003. Quy định này tương thích với nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài là “Trọng tài viên phải độc lập, khách quan, vô tư và tuân theo quy định của pháp luật” (Khoản 2 Điều 4 Luật Trọng tài thương mại năm 2010). Bên cạnh đó, Luật Trọng tài thương mại năm 2010 cũng quy định rằng “Trọng tài viên phải từ chối giải quyết tranh chấp, các bên có quyền yêu cầu thay đổi Trọng tài viên giải quyết tranh chấp” trong trường hợp “có căn cứ rõ ràng cho thấy Trọng tài viên không vô tư, khách quan”¹⁰. Những quy định này đều cho thấy Việt Nam rất quan tâm đến “chất lượng” của phán quyết trọng tài nên mới quy định cơ chế trên để đảm bảo tính khách quan, công bằng của phán quyết này. Và hầu hết các quy phạm pháp luật đương đại về trọng tài của các quốc gia và các quy tắc định chế cũng “đều đòi hỏi rằng các đồng Trọng tài viên phải giữ được tính không thiên vị và tính độc lập (cho dù không có thỏa thuận khác)”.

Do đó, nhiều quốc gia trên thế giới cũng ghi nhận căn cứ này làm cơ sở để hủy phán quyết trọng tài. Cách tiếp cận của các quốc gia có thể dưới hình thức ghi nhận nguyên tắc chung như “có những vi phạm nghiêm trọng ảnh hưởng đến ủy ban trọng tài, tổ tụng trọng tài hoặc phán quyết”¹¹ (Luật Trọng tài của Anh) hoặc “một trọng tài viên hoặc siêu trọng tài có hành vi sai trái hoặc tiến hành sai thủ tục tố tụng, hoặc việc xét xử hoặc phán quyết đã tuyên không đúng” (Luật của Malaysia và Luật của Singapore). Tuy nhiên, cũng có một số trường hợp, pháp luật quốc gia quy định rất cụ thể về nội dung này. Ví dụ, Điều 12 (a) Luật Trọng tài thống nhất Hoa Kỳ quy định các căn cứ hủy phán quyết trọng tài bao gồm: “Phán quyết được đưa ra bởi sự hối lộ, gian lận hoặc các phương thức không hợp pháp khác. Có sự thiên vị rõ ràng của một Trọng tài viên được chỉ định làm trung gian hoặc có sự hối lộ bất kỳ Trọng tài viên nào hoặc gây tổn hại các quyền của bất kỳ bên nào” [...]. Điều 58 Luật Trung Quốc cũng quy định rằng nếu “Trọng tài viên trong quá trình giải quyết tranh chấp đã yêu cầu hoặc nhận hối lộ, thể hiện sự thiên vị, có hành vi gian lận hoặc lập phán quyết trái với Luật” thì phán quyết trọng tài đó có thể bị hủy bỏ. Ngay cả trong trường hợp quy phạm pháp luật không quy định rõ rệt, hầu hết Tòa án của các quốc gia đều xem việc một Trọng tài viên thiếu sự độc lập hay tính vô tư như trên là một “cơ sở tiềm tàng” để hủy bỏ phán quyết của trọng tài bởi “không thể cho phép những phán quyết của các Trọng tài viên có “tính thiên vị” một bên hoặc có định kiến với bên kia được thi hành”¹².

¹⁰ Điểm c Khoản 1 Điều 42 Luật Trọng tài thương mại năm 2010.

¹¹ Khoản 1 Điều 68 Luật Trọng tài của Anh.

¹² Gary B. Born (2009), *International commercial arbitration*, The Netherlands: Wolter Kluwers, Tr. 2613.

Thứ năm, phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Căn cứ cuối cùng theo quy định tại Khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 là trường hợp “phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”. Căn cứ này đã được hướng dẫn tại Điểm đ Khoản 2 Điều 14 Nghị quyết như sau: “phán quyết trọng tài ‘trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam’ là phán quyết vi phạm các nguyên tắc xử sự cơ bản có hiệu lực bao trùm đối với việc xây dựng và thực hiện pháp luật Việt Nam.

Khi xem xét yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, tòa án phải xác định được phán quyết trọng tài có vi phạm một hoặc nhiều nguyên tắc cơ bản của pháp luật và nguyên tắc đó có liên quan đến việc giải quyết tranh chấp của trọng tài. Tòa án chỉ hủy phán quyết trọng tài sau khi đã chỉ ra được rằng phán quyết trọng tài có nội dung trái với một hoặc nhiều nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam mà hội đồng trọng tài đã không thực hiện nguyên tắc này khi ban hành phán quyết trọng tài và phán quyết trọng tài xâm phạm nghiêm trọng lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của một hoặc các bên, người thứ ba”.

Đây được xem là một trong những căn cứ quan trọng để bảo vệ các giá trị công trong quá trình giải quyết tranh chấp bằng trọng tài. Không chỉ Việt Nam, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều thừa nhận căn cứ này làm cơ sở để Tòa án xem xét hủy phán quyết trọng tài. Cụ thể, Luật Trọng tài của Hàn Quốc quy định rằng Tòa án có thể hủy phán quyết trọng tài nếu “Phán quyết trái với đạo đức hoặc chính sách công của Hàn Quốc”. Cách tiếp cận này của Hàn Quốc hoàn toàn dựa trên quy định tại Luật Mẫu của UNCITRAL. Một số quốc gia khác như Singapore, Pháp, Nhật Bản, Nga, Hoa Kỳ, Trung Quốc... cũng quy định rất cụ thể về căn cứ hủy phán quyết trọng tài liên quan đến vấn đề này. Tuy nhiên, một vấn đề rõ ràng là các quy định trong Luật Trọng tài của những quốc gia này không tồn tại khái niệm “nguyên tắc cơ bản của pháp luật” thay vì đó là “chính sách công” (public policy) hoặc “trật tự công” (public order). Hầu như pháp luật các quốc gia đều đồng nhất trong việc sử dụng các cụm từ này trong quy định liên quan đến căn cứ hủy phán quyết trọng tài. Theo một số giải thích liên quan, “chính sách công” được hiểu là các quan niệm và nguyên tắc cơ bản của công lý, bao hàm cả nguyên tắc cơ bản của pháp luật và công lý về cả khía cạnh nội dung và thủ tục¹³. Như vậy, nội hàm của chính sách công đã bao hàm cả trường hợp những nguyên tắc cơ bản của pháp luật. Hay nói cách khác, mặc dù tên gọi khác nhau nhưng về bản chất, hai khái niệm này lại có sự đồng nhất khi cùng chỉ những lợi ích và giá trị cơ bản của nhà nước, xã hội mà pháp luật hướng đến bảo vệ.

¹³ Howard M. Holtzmann†, Joseph E. Neuhaus (1995), *A Guide to the UNCITRAL Model Law on International Commercial Arbitration – Legislative History and Commentary*, The Netherlands: Kluwer, Tr. 914.

Có thể thấy khi quy định về các căn cứ để hủy một phán quyết trọng tài, một số nước đã viện dẫn quy định về các căn cứ hủy phán quyết trọng tài trong Luật Mẫu UNCITRAL để tạo ra sự hài hòa trong pháp luật về trọng tài của nước mình so với pháp luật quốc tế. Luật Mẫu UNCITRAL và thông lệ quốc tế cũng như pháp luật Việt Nam khi xem xét hủy phán quyết đều đề cao và tuân thủ nguyên tắc không xem xét lại nội dung vụ việc, chỉ xem xét đến các căn cứ hủy liên quan đến thỏa thuận trọng tài và thủ tục tố tụng (thẩm quyền, thủ tục tố tụng, thành phần Hội đồng trọng tài...) ¹⁴. Điều này góp phần tạo cho người sử dụng dịch vụ giải quyết tranh chấp bằng trọng tài yên tâm hơn với các phán quyết được tuyên và qua đó giúp cho nền trọng tài ở các nước có điều kiện tốt hơn để phát triển.

3. Một số gợi mở cho Việt Nam

Với những so sánh cơ bản nêu trên, có thể thấy rằng các quy định của pháp luật Việt Nam về căn cứ hủy phán quyết trọng tài đã có những tiệm cận nhất định với Luật Mẫu của UNCITRAL và thông lệ quốc tế. Tuy nhiên vẫn không thể phủ nhận những điểm “chênh” trong cách tiếp cận của Việt Nam so với các quốc gia khác liên quan đến vấn đề này. Cùng với đó, việc áp dụng các quy định này trong thực tiễn giải quyết yêu cầu hủy phán quyết trọng tài tại Việt Nam cũng đã bộc lộ ra những hạn chế của các quy định pháp luật. Do đó, trên cơ sở nghiên cứu những kinh nghiệm quốc tế, tác giả đề xuất một số gợi mở cho Việt Nam liên quan đến các căn cứ hủy phán quyết trọng tài như sau:

Thứ nhất, đối với trường hợp hủy phán quyết trọng tài liên quan đến vấn đề chứng cứ giả mạo.

Một số quan điểm cho rằng việc áp dụng căn cứ này để hủy phán quyết trọng tài có nguy cơ trái với tinh thần của quy định “khi xét đơn yêu cầu, Hội đồng xét đơn yêu cầu căn cứ vào các quy định tại Điều 68 của Luật này và các tài liệu kèm theo để xem xét, quyết định; không xét xử lại nội dung vụ tranh chấp mà Hội đồng trọng tài đã giải quyết” ¹⁵. Tuy nhiên, theo quan điểm của tác giả, căn cứ này được ghi nhận trong pháp luật Việt Nam là hợp lý, vì hai lý do sau đây:

(i) Việc thu thập và sử dụng chứng cứ là một bước quan trọng trong tố tụng trọng tài để đánh giá một cách khách quan các nội dung của vụ việc và trên cơ sở đó đưa ra những kết luận chính xác đối với tranh chấp giữa các bên.

(ii) Xét cho cùng thì việc thu thập và sử dụng chứng cứ vẫn là một trong những hoạt động tố tụng trọng tài nên vi phạm trong việc thu thập và sử dụng chứng cứ (bao gồm cả việc sử dụng chứng cứ giả mạo) cũng chính là vi phạm thủ tục tố tụng. Trường hợp Hội đồng trọng

¹⁴ Trần Thị Thanh Thủy (2024), “Hủy phán quyết trọng tài thương mại – Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam”, *Tạp chí Nghề Luật*, số 5, Tr. 77–83.

¹⁵ Trần Thị Thanh Thủy (2024), *ltd.*

tài ra phán quyết trên cơ sở chứng cứ giả mạo thì được xem là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và đây là căn cứ hủy phán quyết trọng tài được quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại năm 2010. Tuy nhiên, việc tách thành một căn cứ riêng cho trường hợp chứng cứ giả mạo xuất phát từ lý do rằng vi phạm tố tụng liên quan đến chứng cứ giả mạo là một trường hợp đặc biệt và cần được quy định thành một căn cứ riêng để việc áp dụng được thực hiện cụ thể hơn. Như đã phân tích ở trên, cách tiếp cận này cũng đồng nhất với các quốc gia khác.

Bên cạnh đó, cũng cần phải nhấn mạnh rằng, không chỉ Việt Nam ghi nhận về căn cứ này mà nhiều quốc gia trên thế giới bao gồm cả những quốc gia có nền trọng tài rất phát triển cũng đã có những quy định liên quan đến việc hủy phán quyết trọng tài do sử dụng chứng cứ giả mạo trong quá trình tố tụng trọng tài. Điều này cho thấy rằng mối lo ngại về việc áp dụng căn cứ này sẽ trái với các nguyên tắc cơ bản khi hủy phán quyết trọng tài không phải là vấn đề nghiêm trọng. Theo quan điểm của tác giả, điều này phụ thuộc chính vào cách mà các Tòa án áp dụng căn cứ này để xem xét hủy phán quyết trọng tài. Theo đó, pháp luật Việt Nam đã hướng dẫn cụ thể về các điều kiện để hủy phán quyết trọng tài trong trường hợp liên quan đến chứng cứ giả mạo như sau:

(i) “Có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu đó”.

Quy định này của pháp luật Việt Nam là tương đồng với quy định trong Đạo luật Trọng tài liên bang [FAA] trong nước của Hoa Kỳ về điều khoản trường hợp ngoại lệ do “fraud”. Cụ thể, Đạo luật này quy định rằng người yêu cầu phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ rõ ràng và thuyết phục rằng đã tồn tại việc xác lập hành vi lừa đảo. Ngoài ra, hành vi lừa đảo đó chắc chắn không thể phát hiện được bằng sự thận trọng trước hay trong quá trình phân xử của trọng tài.

Tại Việt Nam, thực tiễn tư pháp cũng đã từng ghi nhận trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu hủy phán quyết trọng tài trên cơ sở quy định nêu trên với lý do rằng bên yêu cầu không đưa ra được chứng cứ để chứng minh¹⁶.

(ii) “Chứng cứ đó phải có liên quan đến việc ra phán quyết, có ảnh hưởng đến tính khách quan, công bằng của phán quyết”.

Theo điều kiện thứ hai, dù tồn tại chứng cứ giả mạo nhưng nếu chứng cứ này không ảnh hưởng đến phán quyết hoặc tính khách quan, công bằng của nó, thì không thể coi đây là căn cứ để hủy phán quyết. Quy định này phù hợp với thực tiễn và tương đồng với pháp luật Hoa Kỳ cùng một số quốc gia khác. Theo đó, “các Tòa án thường bác bỏ đơn kiện về tội lừa đảo chỉ vì có

¹⁶ Quyết định số 07/2012/QĐST-TTMM về việc Hủy phán quyết trọng tài trong vụ tranh chấp giữa Công ty Bình Định và Công ty Nước và môi trường ngày 13/12/2012 của TAND TP. Hà Nội.

những phát biểu nhằm lẫn về nội dung sự việc trong phiên tòa Trọng tài, hoặc hành vi bất cần trong việc trình bày nhân chứng hay thông tin”.

Tuy nhiên, để chứng cứ giả mạo có thể ảnh hưởng đến tính khách quan và công bằng của phán quyết, nó cần “liên quan đến” việc ra phán quyết. Vì vậy, trong điều kiện thứ hai, Nghị quyết 01/2014 không cần thiết bổ sung cụm từ này, tránh gây dài dòng và phức tạp không cần thiết. Căn cứ để Tòa án xác định chứng cứ giả mạo là quy định của Luật Trọng tài thương mại năm 2010, quy tắc tố tụng trọng tài, thỏa thuận của các bên, và quy tắc xem xét, đánh giá chứng cứ được Hội đồng trọng tài áp dụng.

Như vậy, việc pháp luật Việt Nam công nhận căn cứ hủy phán quyết trọng tài dựa trên chứng cứ giả mạo là cần thiết và hợp lý. Tuy nhiên, các quy định cụ thể liên quan đến vấn đề này vẫn chưa thật sự thuyết phục. Việt Nam cần tham khảo các tiêu chuẩn nghiêm ngặt từ các quốc gia phát triển để đảm bảo rằng căn cứ này không trở thành “cửa hậu” cho việc công kích nội dung lập luận và phán quyết của Trọng tài¹⁷.

Thứ hai, đối với trường hợp hủy phán quyết trọng tài liên quan đến tính khách quan của trọng tài viên. Theo quy định của Luật Trọng tài thương mại năm 2010, việc áp dụng căn cứ liên quan đến tính khách quan của trọng tài viên phải đáp ứng các điều kiện như sau:

Điều kiện 1: Đối tượng mà Trọng tài viên nhận từ các bên chỉ là “tiền”, “tài sản” và “lợi ích vật chất khác”. Theo Điều 163 Bộ luật Dân sự 2015, tài sản bao gồm “vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản”, nên đã bao hàm cả “tiền” và “lợi ích vật chất khác”. Vì vậy, Luật Trọng tài thương mại 2010 cần sửa đổi để thống nhất với quy định này. Lợi ích tinh thần, như “hối lộ tình dục”, dù gây tranh cãi, cũng có thể ảnh hưởng đến sự khách quan của Trọng tài viên và dẫn đến hệ quả pháp lý khác nhau. Do đó, cần mở rộng quy định, bao gồm cả lợi ích tinh thần, với điều kiện đủ chứng cứ, và chỉ cần sử dụng thuật ngữ chung “lợi ích”.

Điều kiện 2: Chủ thể mang đến các lợi ích trên cho Trọng tài viên là “một bên tranh chấp”. Một vấn đề đáng lưu ý là nếu một bên thứ ba, dù có liên quan hay không với các bên tranh chấp, mang lợi ích và yêu cầu Trọng tài viên đưa ra phán quyết trái với sự thật khách quan, thì liệu hành vi này có đáp ứng điều kiện thứ hai hay không? Theo Điểm d Khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại 2010, quy định hiện tại chỉ xác định chủ thể là “một bên tranh chấp”. Trường hợp bên tranh chấp lợi dụng kẽ hở này, thông qua bên thứ ba thực hiện hành vi hối lộ nhằm đạt lợi ích riêng, thì có thể xem bên thứ ba như người được ủy quyền, từ đó quy trách nhiệm cho bên tranh chấp và căn cứ để hủy phán quyết.

Tuy nhiên, nếu bên thứ ba tự ý thực hiện hành vi hối lộ mà không có sự ủy quyền hay chỉ đạo từ bên tranh chấp, thì không có cơ sở pháp lý để quy kết trách nhiệm hoặc hủy phán quyết, bởi hành vi này không xuất phát từ ý chí của các bên tranh chấp. Điều này cho thấy quy định

¹⁷ Phan Thông Anh (2015), t.ddd.

hiện hành còn nhiều hạn chế. Vì vậy, cần mở rộng phạm vi điều chỉnh để bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào thực hiện hành vi hối lộ với mục đích tác động đến phán quyết trọng tài đều bị xem xét và xử lý phù hợp.

Điều kiện 3: Việc thực hiện hành vi hối lộ phải dẫn đến hệ quả là “làm ảnh hưởng đến tính khách quan, công bằng của phán quyết trọng tài. Trường hợp Trọng tài viên nhận lợi ích vật chất từ một bên tranh chấp nhưng không làm ảnh hưởng đến tính khách quan, công bằng của phán quyết trọng tài thì không đáp ứng điều kiện thứ ba để hủy phán quyết. Quy định này là hợp lý, bởi mục tiêu cuối cùng của giải quyết tranh chấp tại Trọng tài là đảm bảo một phán quyết công bằng và khách quan, và nếu điều này vẫn được đảm bảo, Trọng tài viên đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình. Do đó, không thể hủy phán quyết trong trường hợp này. Nếu xảy ra tình huống Trọng tài viên “bội tín” với bên đưa hối lộ, đây là một quan hệ khác, cần được xử lý theo cơ chế riêng mà không ảnh hưởng đến tính hợp pháp của phán quyết trọng tài. Điều này bảo vệ sự ổn định và hiệu quả của hệ thống trọng tài.

Từ những phân tích trên, Điểm d Khoản 2 Điều 68 Luật TTTM năm 2010 nên được sửa thành: “Trọng tài viên nhận lợi ích làm ảnh hưởng đến tính khách quan, công bằng của phán quyết trọng tài”.

Trong một số hệ thống pháp luật (như Hoa Kỳ), các bên có thể đồng ý với trọng tài viên “thiên vị”; nếu đã đồng ý, sự thiếu vô tư không còn là cơ sở hủy phán quyết trọng tài. Trong khi đó, tại Anh, quy định tránh cho các bên làm thay đổi yêu cầu về tính không thiên vị. Ở nhiều quốc gia (bao gồm các nước theo Luật Mẫu UNCITRAL), việc trọng tài viên bị cho là thiếu khách quan có thể được đưa ra Tòa án ngay trong quá trình xét xử mà không cần đợi phán quyết cuối cùng. Điều này có thể dẫn đến việc miễn nhiệm trọng tài viên do thiếu độc lập và vô tư, tương tự Điểm c Khoản 1 Điều 42 Luật TTTM năm 2010 của Việt Nam.

Quy định này giúp rút ngắn quá trình tố tụng, tránh lãng phí thời gian, chi phí khi phán quyết không có giá trị. Ngoài ra, pháp luật các nước như Hoa Kỳ, Pháp, Thụy Sĩ và Anh quy định việc mất quyền phản đối nếu bên liên quan không nêu vấn đề về tính vô tư của trọng tài viên theo cơ chế khiếu nại. Điều 13 Luật TTTM năm 2010 cũng loại trừ căn cứ hủy phán quyết trọng tài nhằm ngăn lạm dụng và đảm bảo nguyên tắc giải quyết tranh chấp công bằng.

Thứ ba, đối với trường hợp hủy phán quyết trọng tài do trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Trong thực tiễn giải quyết các yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, căn cứ vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật được áp dụng khá “dễ dãi” bởi một số Tòa án, từ đó dẫn tới quyết định hủy phán quyết trọng tài khi căn cứ chưa thực sự thỏa đáng. Tình trạng này vô hình chung sẽ làm giảm độ uy tín của các Hội đồng trọng tài, đồng thời giảm lòng tin của cộng đồng doanh nghiệp đối với phương thức giải quyết tranh chấp này.

Việc xem xét, đánh giá một phán quyết trọng tài có trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam hay không phụ thuộc một phần vào quan điểm, nhận thức, trình độ nghiệp vụ của những người trực tiếp làm công tác áp dụng pháp luật; nhưng mặt khác, điều này cũng phụ thuộc rất nhiều vào sự hướng dẫn, giải thích của Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, không thể phủ nhận rằng, chính những “kẽ hở” trong quy định của pháp luật đã gây ra những khó khăn nhất định cho các Tòa án khi áp dụng căn cứ này khi giải quyết yêu cầu hủy phán quyết trọng tài. Với Điểm đ Khoản 2 Điều 14 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã rất nỗ lực giải thích và một số khía cạnh đã được giải thích đúng trọng tâm; tuy nhiên, sự giải thích này lại chưa đủ cụ thể, rõ ràng, thậm chí vẫn còn khá mơ hồ... Bên cạnh đó, các ví dụ minh họa trong Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP về căn cứ “trái với các nguyên tắc cơ bản” chưa thể hiện được tiêu chí vi phạm đến mức độ nào được coi là “xâm phạm nghiêm trọng”, khiến những người trực tiếp áp dụng pháp luật chưa có nhận thức thống nhất, dẫn đến việc lạm dụng căn cứ này trong quá trình xem xét, giải quyết việc thi hành phán quyết trọng tài.

Như đã phân tích ở trên, liên quan đến căn cứ, các điều ước quốc tế và pháp luật của các quốc gia khác sử dụng thuật ngữ “chính sách công” hay “trật tự công” thay vì “nguyên tắc cơ bản của pháp luật”. Tuy nhiên những văn bản này cũng không đưa ra các giải thích chính thức cho thuật ngữ này. Các văn bản liên quan đến việc công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài cũng ghi nhận quy định liên quan đến thuật ngữ “chính sách công” nhưng cũng không có bất kỳ giải thích cụ thể nào. Ví dụ, Điều V(2)b Công ước New York 1958 về công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài quy định: “Việc công nhận và thi hành phán quyết trọng tài có thể bị từ chối nếu cơ quan có thẩm quyền ở quốc gia nơi công nhận và cho thi hành thấy rằng việc công nhận và thực thi phán quyết sẽ trái với chính sách công của quốc gia đó”. Song, Công ước New York lại không giải thích cụ thể về nội hàm thuật ngữ này.

Theo đó, việc giải thích nội hàm của thuật ngữ “chính sách công” có thể tham khảo cách tiếp cận trong Báo cáo cuối cùng của Hiệp hội Luật quốc tế (ILA). Thuật ngữ này được hiểu theo các tiêu chí như sau: (i) chính sách công bao gồm những nguyên tắc cơ bản của pháp luật, liên quan đến công lý và đạo đức mà quốc gia đó mong muốn bảo vệ; (ii) chính sách công bao gồm cả chính sách công quốc gia và chính sách công quốc tế; (iii) nguyên tắc cơ bản là những nguyên tắc được quy định để phục vụ các mục tiêu chính trị, xã hội thiết yếu hoặc phục vụ lợi ích kinh tế của quốc gia; (iv) các quốc gia có nghĩa vụ tôn trọng (chính sách công, nguyên tắc cơ bản) của các quốc gia khác hoặc các tổ chức quốc tế. Báo cáo nêu trên của ILA cũng nêu ra một số ví dụ rất ngắn gọn điển giải cho các tiêu chí nói trên như sau: về nguyên tắc cơ bản đó là quy định về việc cấm lạm dụng quyền; vi phạm nguyên tắc về thủ tục đó là quy định các cơ quan xét xử phải vô tư; vi phạm chính sách công là vi phạm quy định chống độc quyền, chống tham nhũng; nghĩa vụ tuân thủ các nghĩa vụ quốc tế đó là nghĩa vụ của Liên hợp quốc áp đặt các biện pháp trừng phạt. Báo cáo ILA cũng khuyến cáo: Khi Tòa án xác minh sự phù hợp của phán

quyết trọng tài với các nguyên tắc cơ bản, dù là về thủ tục hay nội dung, Tòa án cần viện dẫn những nguyên tắc được coi là cơ bản trong hệ thống pháp luật của mình hơn là các quy định trong bối cảnh luật hợp đồng, hay luật về địa điểm thực hiện hợp đồng, hoặc luật về nơi xét xử trọng tài.

Như vậy, việc sử dụng thuật ngữ “nguyên tắc cơ bản của pháp luật” khiến độ phủ của thuật ngữ này trở nên rất rộng; người áp dụng có thể viện dẫn hàng loạt quy định của luật chung, luật chuyên ngành; hàng loạt quy định của văn bản dưới luật để cho rằng đó là “nguyên tắc cơ bản”. Ngoài ra, người áp dụng cũng có thể dễ bị nhầm lẫn quy định của “nguyên tắc cơ bản” với các quy định, quy tắc bắt buộc của từng lĩnh vực, từng khía cạnh pháp luật cụ thể; điều đó dẫn đến nguy cơ áp dụng rộng rãi, thậm chí tùy tiện các quy định này dưới lớp áo “nguyên tắc cơ bản” khiến tỷ lệ phán quyết bị hủy, bị từ chối khá cao. Vì vậy, cần xem xét về việc thay đổi cách sử dụng thuật ngữ trong trường hợp này theo hướng “chính sách công” hoặc “trật tự công” để phù hợp với thông lệ quốc tế, đồng thời cần có hướng dẫn, giải thích cụ thể các tiêu chí khi áp dụng căn cứ vi phạm “chính sách công” hay “trật tự công”; ví dụ tiêu chí liên quan đến tính phổ quát về mặt chính trị, đạo đức, công lý, lợi ích quốc gia của “chính sách công”, “trật tự công”; hoặc tiêu chí “xâm phạm nghiêm trọng”.

4. Kết luận

Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng như hiện nay, quan hệ giao thương ngày càng gia tăng và hệ quả tất yếu là kéo theo sự gia tăng của các tranh chấp kinh doanh, thương mại. Niềm tin của doanh nghiệp sẽ bị lung lay nếu tình trạng hủy phán quyết trọng tài gia tăng và thiếu một cơ chế đảm bảo thi hành hiệu quả sau khi phán quyết được ban hành. Vì vậy, để phát huy được vai trò của phương thức giải quyết bằng phương thức trọng tài thương mại, trong thời gian tới việc xem xét để thông qua Dự thảo Luật Trọng tài thương mại với những sửa đổi, bổ sung tương thích với Luật mẫu UNCITRAL và thông lệ quốc tế sẽ góp phần giúp cho cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại bằng phương thức trọng tài của Việt Nam phù hợp với khung pháp lý chung toàn cầu, góp phần vào sự phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Mẫu về trọng tài quốc tế của Ủy ban Liên hiệp quốc về Luật thương mại quốc tế.
2. Luật Trọng tài thương mại năm 2010.

3. Vũ Thị Hồng Vân (2016), “Khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng các quy định về hủy phán quyết trọng tài thương mại và một số giải pháp khắc phục”, *Tạp chí Nghề luật*, số 5.
4. Phan Thông Anh (2015), “Căn cứ hủy phán quyết trọng tài liên quan đến chứng cứ và sự khách quan của trọng tài viên trong tố tụng trọng tài – Bất cập và hướng hoàn thiện”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 6.
5. Gary B. Born (2009), *International commercial arbitration*, The Netherlands: Wolter Kluwers.
6. Howard M. Holtzman†, Joseph E. Neuhaus (1995), *A Guide to the UNCITRAL Model Law on International Commercial Arbitration – Legislative History and Commentary*, The Netherlands: Kluwer.
7. Trần Thị Thanh Thuỷ (2024), “Huỷ phán quyết trọng tài thương mại – Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam”, *Tạp chí Nghề Luật*, số 5.